

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2019.

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm

*Các hội thẩm nhân dân gồm có:*

1. Ông Phạm Thủy Tiên

2. Ông Bàn Trọng Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Phong – Kiểm sát viên .

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST, ngày 04/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đàm Thị L, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn T, sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: Cùm B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đàm Thị L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phùng Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, bà và ông T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Thời gian đầu mới cưới thì vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và không còn hợp nhau nữa, do tính tình mỗi người đều thay đổi và sống không còn quan tâm nhau, không còn sự đồng cảm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chúng tôi còn xảy ra xô xát. Bên cạnh đó ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn kinh tế mà còn sa đọa vào các tệ nạn xã hội. Bà L nhận thấy

tình cảm không còn và cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho bà L được ly hôn với anh Phùng Văn T.

- *Về con chung*: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Phùng Thị Huyền T, sinh ngày 16/9/2012. Nay ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên câu khởi kiện của mình.

\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019 ông Phùng Văn T trình bày:*

*Về hôn nhân*: Ông và bà Đàm Thị L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/9/2012 trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc. Hiện nay bà L làm đơn yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý vì tôi nghĩ tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi muốn vợ chồng trở về đoàn tụ.

- *Về con chung*: Ông và bà Đàm Thị L có 01 con chung Phùng Thị Huyền T, sinh ngày 16/9/2012. Nay ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi cháu T đủ 18 tuổi nhưng ông không đồng ý giao con cho bà L nuôi dưỡng vì hai vợ chồng chỉ có một con chung

*Về tài sản chung*: Nếu phải ly hôn thì ông T yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng gồm: Một ngôi nhà lợp tôn, cột sắt, tường bằng tôn, diện tích 30m<sup>2</sup>, ở thôn A, xã C, huyện C trị giá khoảng 5.000.000 đồng, nhà trên đất của bà Phạm Thị L, ông T có công trồng Cà phê trên đất tại thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*Về công nợ*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đúng theo trình tự quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51 khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đàm Thị L đối với ông Phùng Văn T,

Về con chung giao con chung cho bà Đàm Thị L nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung: Bà Đàm Thị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, đối với yêu cầu của ông Phùng Văn T về chia tài sản chung, nhưng ông T bỏ nhà đi khỏi địa phương và không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn ông Phùng Văn T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án, ông T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên sau đó ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án đã trực tiếp đến tại nơi cư trú để xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị L và ông Phùng Văn T chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn kinh tế mà còn sa đọa vào các tệ nạn xã hội, nên tình cảm giữa bà L và ông T không còn. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Xét thấy, hiện nay bà L và ông T đã sống ly thân với nhau, cuộc sống chung giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, việc xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của ông T đã được ban tự quản thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk xác nhận bà L và ông T khi sống chung có mâu thuẫn. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Phùng Thị Huyền T, sinh ngày 16/9/2012. Nay ly hôn bà L có yêu cầu được nuôi con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đàm Thị L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung của bà L và ông T chưa đủ tuổi trưởng thành cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất, tâm lý. Mặt khác, ông Phùng Văn T đã bỏ nhà đi, cuộc sống không ổn định và đã bỏ việc làm nên không có thu nhập. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án ông Phùng Văn T không đến Tòa án làm việc xem như từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Cho nên, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung là cháu Phùng Thị Huyền T, sinh ngày 16/9/2012 cho bà L trực tiếp dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và công nợ: Bà Đàm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, đối với yêu cầu về tài sản của ông T, do ông T vắng mặt nên không xem xét giải quyết

[6]. Về án phí: Bà Đàm Thị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị L.

Bà Đàm Thị L được ly hôn với ông Phùng Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phùng Thị Huyền T, sinh ngày 16/9/2012 cho bà Đàm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phùng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phùng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà Đàm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu về tài sản của ông T, do ông T vắng mặt nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Bà Đàm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0006576 ngày 04/01/2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện Ea Súp;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã C, huyện C,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Sâm**

